

BÁO CÁO

V/v Nguyên nhân giảm trên 10% lợi nhuận sau thuế 06TĐN 2019 so 06TĐN 2018

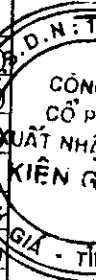
Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ mục a khoản 4 Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang báo cáo kết quả kinh doanh 06TĐN 2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	06TĐN2019	06TĐN2018	So sánh	
					06TĐN2019 so 06TĐN2018	
					Tỷ lệ (%)	Giá trị
1	Sản lượng tiêu thụ					
1.1	Gạo	tấn	127.523,39	161.903,13	78,77	(34.379,74)
a	Xuất khẩu	tấn	69.973,99	109.753,60	63,76	(39.779,61)
	+ Thành phẩm	tấn	69.973,99	109.753,60	63,76	(39.779,61)
b	Nội địa	tấn	57.549,40	52.149,53	110,35	5.399,87
	+ Thành phẩm	tấn	57.549,40	52.149,53	110,35	5.399,87
1.2	Xăng dầu	m3	12.874,04	13.677,52	94,13	(803,49)
1.3	Cá cơm các loại	tấn	139,56	196,05	71,18	(56,49)
	+ Xuất khẩu	tấn	96,34	153,20	62,89	(56,86)
	+ Nội địa	tấn	43,22	42,85	100,86	0,37
2	Doanh thu thuần	tr.đ	1.493.270	2.060.039	72,49	(566.769)
3	Giá vốn hàng bán	"	1.420.213	1.864.218	76,18	(444.005)
4	Lãi gộp	"	73.057	195.822	37,31	(122.765)
5	DT hoạt động TC	"	2.603	5.425	47,98	(2.822)
6	CP tài chính, trong đó:	"	22.190	30.853	71,92	(8.663)
	- CP lãi vay, trong đó:	"	16.088	15.639	102,87	449
	+ Đơn giá CP ngành Lương thực	đ/kg	187,62	181,74	103,24	6
7	CP bán hàng, trong đó:	"	40.446	119.368	33,88	(78.922)
	+ Đơn giá CP ngành Lương thực	đ/kg	278,35	444,74	62,59	(166)
8	CP Quản lý, trong đó:	tr.đ	10.210	20.763	49,17	(10.553)
	+ Đơn giá CP ngành Lương thực	đ/kg	40,31	66,27	60,83	(26)
9	LN thuần từ HĐKD	"	2.814	30.263	9,30	(27.449)
10	Thu nhập khác	"	2.979	363	820,19	2.616
11	Chi phí khác	"	507	87	586,10	421
12	Lợi nhuận khác	"	2.471	277	893,47	2.195
13	Tổng LN trước thuế	"	5.285	30.540	17,31	(25.255)
14	Chi phí thuế TNDN	"	1.122	6.434	17,44	(5.311)
15	LN sau thuế TNDN	"	4.163	24.106	17,27	(19.943)



Thuyết minh: Đánh giá chung: Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2019 là 4,163 tỷ đồng, giảm 82,73% so 06 tháng đầu năm 2018 (mức giảm 19,943 tỷ đồng). Nguyên nhân lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2019 giảm so cùng kỳ chủ yếu do:

1. Sản lượng gạo tiêu thụ là 127.523,387 tấn, giảm 34.379,74 tấn so 06 tháng đầu năm 2018 trong đó sản lượng gạo xuất khẩu là 69.973,99 tấn gạo các loại, giảm 36,24% so cùng kỳ (mức giảm 39.779,61 tấn) trong khi tỷ lệ lợi nhuận của công ty từ gạo xuất khẩu là chủ yếu.

2. Thị trường xuất khẩu gạo 06 tháng đầu năm 2019 khó khăn, cụ thể: (1) Nhu cầu và thị trường gạo những tháng đầu năm 2019 rất yếu, ngoại trừ thị trường Philippines, các thị trường nhập khẩu gạo lớn, truyền thống như Trung Quốc, Indonesia và Bangladesh đều đồng loạt giảm nhập khẩu trong nửa đầu năm 2019, (2) Sự cạnh tranh giành khách hàng của các Nhà xuất khẩu đẩy giá giao dịch xuống thấp để bán được hàng, (3) Một số thị trường tập trung của Việt Nam chưa có kế hoạch mua trong 06 tháng đầu năm 2019, (4) Một số khách hàng truyền thống của Công ty tiêu thụ chậm lại do còn tồn kho nhiều.

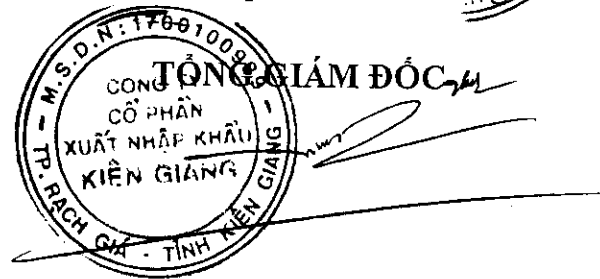
3. Công tác quản lý chi phí sản xuất kinh doanh của công ty trong 06 tháng đầu năm 2019 được kiểm soát tốt, cụ thể: tổng đơn giá chi phí sản xuất kinh doanh của ngành lương thực thực hiện 06 tháng đầu năm 2019 là 692,74 đ/kg, giảm 26,92% tương đương mức giảm 186,47 đ/kg so cùng kỳ. Trong đó: đơn giá chi phí bán hàng thực hiện là 278,35 đ/kg, giảm 166,39 đ/kg so cùng kỳ; chi phí quản lý thực hiện là 40,31 đ/kg, giảm 25,96 đ/kg so cùng kỳ.

Trên đây là báo cáo nguyên nhân giảm trên 10% lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2019 so 06 tháng đầu năm 2018 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Dương Thị Thanh Nguyệt